TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN.**	**CỘNG T XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: **28**/2019/DS - ST.
Ngày: 25/10/2019.
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG T XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Xuân Thủy.

2. Ông Mai Thế Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐST – DS, ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 2, thôn 3, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Bị đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm 10, thôn 2, xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Ngọc Đ, sinh năm 1947; bà Lê Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Vào ngày 01/01/2014 bà Phan Thị C vay của của bà Nguyễn Thị H số tiền 241.000.000đ; lãi suất 2%/tháng; các bên thỏa thuận đến ngày 01/01/2015 (âm lịch) bà C phải trả cho bà H số tiền 241.000.000đ. Hàng tháng bà C trả tiền lãi đầy

đủ cho bà H theo thỏa thuận. Đến năm 2015 cho đến nay, bà C bỏ đi khỏi nơi cư trú nên không trả lãi cho bà H.

Ngày 02/4/2014 bà Phan Thị C tiếp tục vay của bà H số tiền 133.700.000đ; thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Thời hạn là 02 năm bà C phải thanh toán cho bà H số tiền 133.700.000đ. Bà C trả tiền lãi đầy đủ cho bà H đến năm 2015.

Bà C vay tiền của bà H nhằm mục đích để trả tiền nợ ngân hàng. Khi vay tiền, bà C có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P171592, ngày 22/7/1999 cấp cho hộ ông Phan Ngọc Đ nhằm để làm tin vay tiền của bà C. Khi vay tiền, các bên có viết giấy tờ thể hiện việc thỏa thuận với nhau.

Khi đến thời hạn trả các khoản đã vay, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà C thanh toán các khoản tiền trên. Sau đó, bà C đã trả cho bà H số tiền 6.500.000đ. Hiện nay, bà C còn nợ bà H tổng số tiền là 368.200.000đ. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà C phải trả lại số tiền 368.200.000đ. Bà H không yêu cầu tính lãi. Đến khi nào bà C thanh toán xong số tiền 368.200.000đ thì bà H sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc Đ.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn – Bà Phan Thị C trình bày:

Vào khoảng năm 2014, bà C có vay tiền của bà H nhiều lần với những số tiền khác nhau; tổng cộng số tiền vay là 100.000.000đ. Các bên thỏa thuận lãi suất từ 4% đến 9%/tháng. Do bà C không có khả năng để trả tiền lãi hàng tháng đầy đủ nên bà H nhập tiền nợ lãi vào tiền gốc nên số tiền vay ngày càng nhiều. Vì vậy, bà C không có khả năng trả được nợ cho bà H.

Sau đó, bà C có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phan Ngọc Đ để thế chấp cho bà H để tiếp tục vay số tiền 20.000.000đ. Bà C sử dụng số tiền này để trả tiền lãi cho bà H.

Bà C đã trả được cho bà H số tiền là 6.500.000đ. Bà C xác định còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 113.500.000đ. Cho nên, bà H cho rằng bà C còn nợ số triền là 368.200.000đ là không đúng. Do khi vay tiền, giữa bà H và bà C không viết giấy tờ gì với nhau. Cho nên, các giấy tờ mà bà H cung cấp thì bà C xác định chữ ký trong các giấy này không phải của bà C. Do đó, bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà C phải trả lại số tiền còn nợ là 368.200.000đ. Bà C chỉ chấp nhận trả số tiền 113.500.000đ. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn; bà C đang đi làm thuê để kiếm sống nên bị C không có tiền để trả một lần cho bà H. Bà C xin trả dần hàng tháng cho đến khi trả xong số tiền 113.500.000đ.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Phan Ngọc Đ, bà Lê Thị T trình bày:

Vào khoảng năm 2014, bà Phan Thị C đến nhà mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cầm cố, thế chấp vay tiền trả nợ. Ông Đ, bà T đồng ý và tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình số P171592, ngày

29/7/1999 Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh cấp cho hộ ông Phan Ngọc Đ cho bà C mượn. Sau đó, bà C thế chấp sổ đỏ này cho ai thì ông Đ, bà T không biết.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị H khởi kiện đối với bà Phan Thị C thì ông Đ, bà T biết bà C thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H để vay tiền. Việc vay mượn tiền giữa bà H và bà C như thế nào thì ông Đ, bà T không liên quan. Cho nên, đến khi nào bà C trả xong số tiền nợ cho bà H thì bà H có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này lại cho ông Đ, bà T. Do đó, bà T, ông Đ không có yêu cầu gì liên quan đến vụ án này.

[4]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 giấy kẻ ngang, viết chữ màu xanh có nội dung "…Ông Phan Ngọc Đ cho bà Phan Thị C mượn một cuốn sổ đỏ…"; 01 giấy kẻ ngang, viết chữ màu xanh, có nội dung "Bà Phan Thị C mượn bà H số tiền 241.000.000đ"; 01 tờ giấy kẻ ngang, viết chữ màu xanh, có nội dung "Bà Phan Thị C có mượn của bà H số tiền 133.700.000đ…"; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P171592, ngày 29/7/1999 cấp cho hộ ông Phan Ngọc Đ; 01 sổ hộ khẩu pho to.

- Bị đơn, người có quyền lợi liên quan: Không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

[5]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

- Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Phan Thị C phải trả lại số tiền vay còn nợ là 368.200.000đ.

- Bà Phan Thị C không chấp nhận yêu cầu của bà H. Bà C xác định chỉ còn nợ bà H số tiền 113.500.000.000đ.

[6]. Những vấn đề các đương sự thống nhất:

Bà Phan Thị C thế chấp cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P171592, ngày 29/7/1999 cấp cho hộ ông Phan Ngọc Đ để vay tiền.

[7]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Phan Thị C phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 368.200.000đ.

Về án phí: Bà Phan Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã triệu tập ông Phan Ngọc Đ, bà Lê Thị T hợp lệ. Thế nhưng, ông Đ, bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà T. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Ngọc Đ, bà T là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn – bà Phan Thị C phải số tiền còn nợ là 368.200.000đ. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác trong vụ án. Do đó, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[3] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phan Thị C xác định: Trước đây có vay của bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 120.000.000đ. Sau đó, bà C đã trả được số tiền 6.500.000đ. Hiện nay, bà H còn nợ lại số tiền là 113.500.000đ. Đối với các giấy tờ bà H cung cấp thể hiện: Vào ngày 01/01/2014 bà C vay bà H số tiền 241.000.000đ; ngày 02/4/2014 bà C vay của bà H số tiền 133.700.000đ. Tại phiên tòa, bà C không thừa nhận chữ ký trong các giấy này là của mình. Thế nhưng, bà C không đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành giám định chữ ký.

Trong khi đó, bà H không chấp nhận lời khai của bà C. Bà H xác định: Vào ngày 01/01/2014 bà C vay của bà H số tiền 241.000.000đ và ngày 02/4/2014 vay số tiền 133.700.000đ. Nội dung các bên thỏa thuận được thể hiện rõ tại các giấy tờ mà bà C đã cung cấp cho Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H cung cấp cho Tòa án một tờ giấy kẻ ngang, chữ viết màu xanh có nội dung *"…….Phan Thị C có mượn của cô H phòng khám đa khoa Bắc Ruộng số tiền là 241.000.000đ….thời gian là 2 năm từ ngày 01/01/2014 AL (Nhằm 01 – 1 – 2014 DL) đến tháng 1 – 1- 2015 AL…";* và một tờ giấy có nội dung*"….Phan Thị C có mượn của cô H phòng khám đa khoa Bắc Ruộng số tiền là 133.700.000đ….thời gian 2 năm từ 2 – 3 AL – 2014 nhằm ngày 2 – 4 -2014 đến ngày 2 – 3 – AL – 2015 tôi có để một sổ đỏ thế chấp cho cô H…."*. Mặc dù, tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị C không thừa nhận chữ ký trong các tờ giấy này là của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản lấy lời khai đương sự, ngày 19/9/2019 (búc lục 28); biên bản đối chất, ngày 23/9/2019 (búc lục 31, 32); biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ngày 04/10/2019 (búc lục 34, 35) bà Phan Thị C đều thừa nhận chữ ký phía dưới các tờ giấy mà bà H cung cấp cho Tòa án là của bà C. Ngoài ra, mặc dù tại phiên tòa bà C xác định các chữ ký trong các tờ giấy này không phải của mình nhưng bà C không yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành giám định. Do đó, bà C cho rằng chỉ vay bà H số tiền 120.000.000đ và còn nợ lại số tiền 113.500.000đ là không có căn cứ chấp nhận. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc bà Phan Thị C phải trả số tiền 368.200.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về tiền lãi:

Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của phía nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên cần buộc Phan Thị C chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp.

Tuy nhiên, do bà Phan Thị C, sinh năm 1953 theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì bà C là người cao tuổi. Căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 thì C thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nên bà C không phải nộp án phí DS/ST theo quy định

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Phan Thị C:

Buộc bà Phan Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 368.200.000đ (ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền lãi phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiên lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi bà Phan Thị C trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 368.200.000đ, thì bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả lại cho ông Phan Ngọc Đ, bà Lê Thị T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P171592, ngày 29/7/199 cấp cho hộ ông Phan Ngọc Đ.

- Về án phí*:*

Bà Phan Thị C được miễn nộp tiền án phí DSST.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.450.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N0013473, ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai; Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày 25/10/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự ***(Đã giải thích quyền kháng cáo)***.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Tánh Linh;
- CC THA DS H.Tánh Linh;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Yến